

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Quyền tác giả là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu. Quyền này được Nhà nước bảo hộ; do đó, pháp luật đã quy định trình tự thực hiện và bảo vệ các quyền này khi có hành vi xâm phạm. Bất kỳ tổ chức, cá nhân nào có hành vi xâm phạm quyền tác giả đều phải gánh chịu những hậu quả bất lợi do pháp luật quy định. Chủ thể xâm phạm có thể phải chịu trách nhiệm hành chính hoặc trách nhiệm dân sự, thậm chí là trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, việc chủ thể xâm phạm phải chịu trách nhiệm pháp lý nào còn tùy thuộc vào ý chí chủ quan của chủ thể quyền. Nếu chủ thể quyền có đơn khởi kiện chủ thể có hành vi xâm phạm quyền tác giả thì khi đó, Tòa án sẽ áp dụng các biện pháp dân sự để xử lý tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm quyền tác giả như: Buộc chấm dứt hành vi xâm phạm; buộc xin lỗi cải chính công khai; buộc thực hiện nghĩa vụ dân sự; buộc bồi thường thiệt hại... Trên thế giới, hầu hết các nước khi phát hiện có các hành vi xâm phạm quyền tác giả, chủ thể quyền thông thường khởi kiện ra tòa án để yêu cầu tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tuy nhiên, ở Việt Nam, thực trạng xâm phạm quyền tác giả ngày càng có xu hướng gia tăng, tính chất vi phạm ngày càng tinh vi hơn, nhưng số vụ án về quyền tác giả được tòa án thụ lý và giải quyết còn rất khiêm tốn, mặc dù so với biện pháp hành chính và biện pháp hình sự thì biện pháp dân sự có ưu thế hơn. Tại sao vậy? Nguyên nhân là do tác giả, chủ sở hữu tác phẩm chưa coi việc khởi kiện ra tòa là chuyện bình thường; cộng với năng lực, trình độ chuyên môn của cán bộ, công chức ngành tòa án còn yếu, hiểu biết chưa sâu về lĩnh vực sở hữu trí tuệ nói chung và quyền tác giả nói riêng; do cơ chế giải quyết tranh chấp tại tòa án còn nhiều bất cập...

Bên cạnh đó, trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, đặc biệt là hiện nay Việt Nam đã tham gia công ước Berne (24/10/2006) và trở thành thành viên chính thức của Tổ chức thương mại thế giới – WTO (11/01/2007) thì vấn đề bảo vệ quyền tác giả phải được quan tâm thực hiện hơn nữa. Với mong muốn cung

cấp cho chủ thể quyền thêm một tài liệu tham khảo trước khi lựa chọn phương thức bảo vệ quyền tác giả của mình; đồng thời mong muốn hoàn thiện hơn nữa quy định của pháp luật để việc bảo vệ quyền tác giả bằng biện pháp dân sự trở thành cơ chế bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ phổ biến và hữu hiệu nhất, tôi quyết định lựa chọn đề tài ***“Trách nhiệm dân sự do xâm phạm quyền tác giả”*** làm Luận văn thạc sĩ luật học của mình.

2. Tình hình nghiên cứu

Cho đến thời điểm tác giả nghiên cứu đề tài ***“Trách nhiệm dân sự do xâm phạm quyền tác giả theo pháp luật Việt Nam”***, đã có một số bài nghiên cứu về vấn đề này như *“Hoàn thiện pháp luật về bảo hộ quyền tác giả ở Việt Nam hiện nay”* của tác giả Hoàng Minh Thái, luận văn thạc sĩ luật học năm 2001; *“Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam”* của tác giả Ngô Văn Giang, luận văn thạc sĩ luật học năm 2007; *“Bồi thường thiệt hại do hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ theo pháp luật sở hữu trí tuệ Việt Nam”* của tác giả Đinh Thị Thúy Vân, khóa luận tốt nghiệp năm 2011; *“Bồi thường thiệt hại do hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn”* của tác giả Ngô Thị Thu Huyền, khóa luận tốt nghiệp năm 2012; *“Nội dung quyền tác giả theo pháp luật sở hữu trí tuệ Việt Nam”* của tác giả Ngô Thị Lam, khóa luận tốt nghiệp năm 2012; *“Xâm phạm quyền tác giả ở Việt Nam – Thực trạng và giải pháp”* của tác giả Nguyễn Hồng Oanh, khóa luận tốt nghiệp năm 2012... và một số bài báo, tạp chí như *“Thực trạng giải quyết tranh chấp về quyền tác giả tại Việt Nam giai đoạn 2006 – 2012 và một số đề xuất tiếp tục hoàn thiện pháp luật và thực thi về sở hữu trí tuệ”* của nhóm tác giả TS. Nguyễn Hợp Toàn, PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Thủy, PGS.TS. Trần Văn Nam; *“Xử lý xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ bằng biện pháp dân sự tại Việt Nam – Thực tiễn pháp luật và đề xuất hoàn thiện”* của tác giả Phạm Văn Toàn (nguyên Phó Chánh thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ) đăng trên trang web của Bộ Khoa học và Công nghệ ngày 15/10/2013... Tuy nhiên, các công trình này chỉ đề cập tới một số khía cạnh về trách nhiệm dân sự do xâm phạm quyền tác giả nói riêng và quyền sở hữu trí tuệ nói chung; chưa có công trình nghiên cứu khoa học nào tập trung phân tích một

cách toàn diện, có hệ thống và chuyên sâu những vấn đề về lý luận và thực tiễn về trách nhiệm dân sự do xâm phạm quyền tác giả ở Việt Nam.

3. Phạm vi nghiên cứu

Trong khuôn khổ của một Luận văn thạc sỹ, Luận văn này chỉ nghiên cứu vấn đề cơ bản nhất về trách nhiệm dân sự của cá nhân, tổ chức đã có hành vi xâm phạm quyền tác giả đối với tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu của Luận văn này là dựa trên phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học. Đồng thời, Luận văn sử dụng thêm một số phương pháp khác như phương pháp so sánh, phương pháp thống kê, tổng hợp.

5. Mục đích nghiên cứu

Xác định rõ các hành vi xâm phạm quyền tác giả; xem xét thực trạng xâm phạm quyền tác giả ở Việt Nam; tìm hiểu và nghiên cứu các quy định về trách nhiệm dân sự do xâm phạm quyền tác giả theo pháp luật Việt Nam; qua đó đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định của pháp luật để việc bảo vệ quyền tác giả bằng biện pháp dân sự trở thành cơ chế bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ phổ biến và hữu hiệu nhất.

6. Những kết quả nghiên cứu mới

Phân tích một số vấn đề lý luận về trách nhiệm dân sự và các hành vi xâm phạm quyền tác giả, làm rõ các quy định về trách nhiệm dân sự do xâm phạm quyền tác giả theo pháp luật Việt Nam.

Phân tích thực tiễn áp dụng pháp luật, những mặt tích cực và những mặt còn tồn tại, từ đó tác giả đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định của pháp luật về trách nhiệm dân sự do xâm phạm quyền tác giả nói riêng và quyền sở hữu trí tuệ nói chung.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, phần kết luận và tài liệu tham khảo, Luận văn được bố cục theo 3 chương trong phần nội dung, như sau:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận chung về xâm phạm quyền tác giả và TNDS do xâm phạm quyền tác giả

Chương 2: Thực tiễn xâm phạm quyền tác giả ở Việt Nam và các quy định về TNDS do xâm phạm quyền tác giả theo pháp luật Việt Nam

Chương 3: Thực trạng áp dụng pháp luật và kiến nghị

CHƯƠNG 1:

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ XÂM PHẠM QUYỀN TÁC GIẢ VÀ TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ DO XÂM PHẠM QUYỀN TÁC GIẢ

1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ HÀNH VI XÂM PHẠM QUYỀN TÁC GIẢ

Theo nghĩa rộng, quyền tác giả là một chế định pháp luật là tổng thể các quy phạm pháp luật, xác định và bảo hộ các quyền nhân thân, quyền tài sản của tác giả, chủ sở hữu tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học; quy định việc bảo vệ, khôi phục các quyền đó khi có hành vi xâm phạm. Còn theo nghĩa hẹp, quyền tác giả bao gồm tổng thể các quyền của tác giả đối với tác phẩm mà mình sáng tạo ra; quyền tác giả bao gồm quyền nhân thân và quyền tài sản của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm.

Quyền nhân thân đối với tác phẩm là các quyền mang yếu tố tinh thần của chủ thể đối với tác phẩm, thông thường, về bản chất, các quyền nhân thân luôn gắn liền với chủ thể nhất định và không thể chuyển dịch được (trừ quyền công bố hoặc cho người khác công bố tác phẩm).

Quyền tài sản đối với tác phẩm là các lợi ích vật chất có được từ tác phẩm mà tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả có quyền được hưởng, như: được hưởng nhuận bút, thù lao hoặc hưởng các lợi ích vật chất khác khi tác phẩm được sử dụng (làm tác phẩm phái sinh, biểu diễn tác phẩm, sao chép tác phẩm...). Các quyền nhân thân và quyền tài sản này được Nhà nước và pháp luật bảo hộ.

1.1.1 Khái niệm hành vi xâm phạm quyền tác giả

Trong hệ thống pháp luật Việt Nam hiện hành không có khái niệm chung để chỉ các hành vi xâm phạm quyền tác giả mà các hành vi này được liệt kê tại Điều 28 Luật SHTT 2005, sửa đổi bổ sung năm 2009.

1.1.2 Các dạng hành vi xâm phạm quyền tác giả

Trên cơ sở quy định tại Điều 28 Luật SHTT, tại khoản 1 Điều 7 Nghị định 105/2006/NĐ – CP của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý Nhà

nước về sở hữu trí tuệ, yếu tố xâm phạm quyền tác giả có thể thuộc một trong các dạng sau đây: Bản sao tác phẩm được tạo ra một cách trái phép; tác phẩm phái sinh được tạo ra một cách trái phép; tác phẩm giả mạo tên, chữ ký của tác giả, mạo danh hoặc chiếm đoạt quyền tác giả; phần tác phẩm bị trích đoạn, sao chép, lắp ghép trái phép; sản phẩm có gắn thiết bị kỹ thuật bảo vệ quyền tác giả bị vô hiệu hóa trái phép.

a. Hành vi xâm phạm quyền tài sản

Các hành vi xâm phạm quyền tài sản của tác giả được liệt kê từ khoản 6 đến khoản 16 Điều 28 Luật SHTT

b. Hành vi xâm phạm quyền nhân thân

Hành vi xâm phạm quyền nhân thân được quy định tại các khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 28 Luật SHTT.

Tại khoản 5 Điều 28 Luật SHTT quy định hành vi “*Sửa chữa, cắt xén hoặc xuyên tạc tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả*” là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 6 bis Công ước Berne về bảo hộ tác phẩm văn học, nghệ thuật.

Một số hành vi khác cũng cần phải kể đến là hành vi thu gom tác phẩm của người khác rồi gắn thêm vào đó chữ “biên soạn” hay “sưu tầm” rồi ký tên khác, in thành sách để xuất bản; thay tên các tác phẩm, sửa chữa tên nhân vật, cắt xén tác phẩm của các tác phẩm đã được công bố.

Hành vi xâm phạm quyền nhân thân có thể chuyển dịch bao gồm các khoản 3, khoản 4 Điều 28 Luật SHTT: Công bố, phân phối tác phẩm mà không được phép của tác giả; công bố, phân phối tác phẩm có đồng tác giả mà không được phép của đồng tác giả đó.

Công bố tác phẩm là việc phát hành tác phẩm đến công chúng với số lượng bản sao đủ để đáp ứng nhu cầu hợp lý của công chúng tùy theo bản chất của tác phẩm.

Việc trình diễn một tác phẩm sân khấu, điện ảnh, âm nhạc; đọc trước công chúng một tác phẩm văn học; phát sóng tác phẩm văn học, nghệ thuật; trưng bày

tác phẩm tạo hình; xây dựng công trình từ tác phẩm kiến trúc đều không coi là công bố tác phẩm.

1.1.3 Đặc điểm hành vi xâm phạm quyền tác giả

Hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ nói chung và hành vi xâm phạm quyền tác giả nói riêng là một loại của hành vi vi phạm pháp luật. Do vậy, hành vi xâm phạm quyền tác giả mang các đặc điểm chung của hành vi vi phạm pháp luật, đồng thời mang những đặc điểm riêng có.

1.1.4 Ý nghĩa của việc bảo vệ quyền tác giả

Việc bảo vệ hiệu quả quyền SHTT nói chung và quyền tác giả nói riêng sẽ tạo ra một cơ chế tác động qua lại về lợi ích giữa những người sáng tạo và lợi ích chung của xã hội. Cơ chế này sẽ góp phần ổn định và thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia, đặc biệt là quốc gia đang phát triển như Việt Nam.

1.2. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ TNDS DO XÂM PHẠM QUYỀN TÁC GIẢ

1.2.1 Khái niệm TNDS

TNDS nói chung là loại trách nhiệm pháp lý do tòa án hoặc các chủ thể khác được phép áp dụng đối với các chủ thể vi phạm pháp luật dân sự. Bản thân TNDS không phải là sự cưỡng chế mà chỉ là nghĩa vụ phải gánh chịu những biện pháp cưỡng chế do pháp luật quy định.

TNDS trong hợp đồng là trách nhiệm pháp lý phát sinh giữa các bên có quan hệ hợp đồng và hành vi vi phạm, là hành vi không thực hiện, hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ theo hợp đồng.

TNDS ngoài hợp đồng là trách nhiệm pháp lý phát sinh giữa các bên không có quan hệ hợp đồng và hành vi của chủ thể vi phạm là hành vi xâm phạm đến tài sản và các quyền nhân thân của chủ thể khác. Thiệt hại xảy ra đối với TNDS trong hợp đồng chỉ có thể là thiệt hại về vật chất và chế tài áp dụng chủ yếu không chỉ có bồi thường thiệt hại mà còn có hình thức phạt do vi phạm hợp đồng. Riêng TNDS ngoài hợp đồng thì ngoài thiệt hại về vật chất còn có thiệt hại về tinh thần, chế tài thông thường áp dụng là bồi thường thiệt hại.

1.2.2 Khái niệm TNDS do xâm phạm quyền tác giả

TNDS do xâm phạm quyền tác giả cũng là một loại chế tài dân sự có thể phát sinh giữa các bên có quan hệ hợp đồng hoặc không có quan hệ hợp đồng. Trường hợp bên vi phạm và bên bị vi phạm quyền tác giả đã ký hợp đồng liên quan đến quyền tác giả và hợp đồng này đã có hiệu lực pháp luật thì trách nhiệm của bên vi phạm khi không thực hiện hợp đồng, hoặc có thực hiện nhưng không đúng, không đầy đủ là TNDS trong hợp đồng.

TNDS do xâm phạm quyền tác giả là một loại trách nhiệm pháp lý thường phát sinh giữa các bên có quan hệ hợp đồng hoặc không có quan hệ hợp đồng, chủ thể vi phạm phải gánh chịu những hậu quả bất lợi do có hành vi xâm phạm quyền tác giả với chủ thể quyền.

1.2.3 Đặc điểm TNDS do xâm phạm quyền tác giả

TNDS do xâm phạm quyền tác giả là một trong những loại trách nhiệm pháp lý nói chung nên giống như loại trách nhiệm pháp lý khác, nó cũng có những đặc điểm chung .

1.2.4 TNDS do xâm phạm quyền tác giả theo pháp luật một số quốc gia

Trong lịch sử pháp luật, so với các quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, vấn đề quyền tác giả được thừa nhận muộn hơn. Vào thời cổ, các quy định luật pháp chỉ dành cho những vật mang tác phẩm trí tuệ, đặc biệt là về sở hữu.

CHƯƠNG 2:
THỰC TIỄN XÂM PHẠM QUYỀN TÁC GIẢ Ở VIỆT NAM
VÀ CÁC QUY ĐỊNH VỀ TNDS DO XÂM PHẠM QUYỀN TÁC GIẢ
THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM

2.1 THỰC TRẠNG XÂM PHẠM QUYỀN TÁC GIẢ Ở VIỆT NAM

Trong những năm qua Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều nỗ lực trong việc thực thi quyền SHTT nói chung và quyền tác giả nói riêng, đặc biệt là sau khi Việt Nam tham gia Công ước Berne (24/10/2006) và trở thành thành viên chính thức của WTO (11/1/2007). Tuy nhiên, số vụ vi phạm quyền tác giả vẫn có xu hướng gia tăng, tính chất ngày càng tinh vi hơn. Có ý kiến cho rằng tình trạng vi phạm quyền tác giả tại Việt Nam hiện nay đã đến mức báo động. Vi phạm bản quyền lan tràn trong tất cả các lĩnh vực của đời sống.

- Trong lĩnh vực xuất bản:

Hiện tượng xuất bản mà không xin phép tác giả, chủ sở hữu tác phẩm, không có hợp đồng sử dụng tác phẩm để xuất bản diễn ra ngày một trầm trọng. Hầu hết những cuốn sách nổi tiếng, đặc biệt là những cuốn sách mới ra thị trường, được nhiều bạn đọc yêu thích đều bị in lậu ngang nhiên và phổ biến tràn lan.

- Trong lĩnh vực báo chí:

Luật Báo chí 1999 ra đời có các quy định về quyền tác giả thực sự là cơ sở pháp lý quan trọng điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh ở lĩnh vực này. Đối với báo in, tình trạng vi phạm quyền tác giả xảy ra là việc một số tác giả sử dụng nội dung, tài liệu, tư liệu của người khác rồi viết thành bài gửi đăng báo mà không xin phép tác giả, chủ sở hữu tác phẩm; trích dẫn công trình nghiên cứu của người khác mà không dẫn chiếu nguồn gốc tác phẩm; dịch tác phẩm báo chí nước ngoài nhưng đứng tên mình; không xin phép và trả thù lao cho tác giả khi sử dụng lại các tác phẩm báo chí đã được công bố. Tuy nhiên, báo in vẫn được coi là có ý thức tôn trọng bản quyền hơn trong “làng báo chí” nói chung vì

“việc tôn trọng bản quyền đã trở thành một thứ luật “bất thành văn” trong giới báo chí giấy”.

- Trong lĩnh vực âm nhạc:

Trong lĩnh vực này, nạn sao chép đĩa, download nhạc vô tội vạ diễn ra khắp nơi. Bởi không ai có thể xác minh được sự hợp pháp của các tác phẩm âm nhạc trên những chiếc điện thoại di động, trên máy nghe nhạc mp3... Các website cho phép download nhạc hầu hết không quan tâm đến chuyện tác quyền.

- Trong lĩnh vực điện ảnh:

Ở lĩnh vực điện ảnh, tình trạng sửa chữa, cắt xén, thay đổi kịch bản mà không xin phép tác giả kịch bản để xây dựng tác phẩm điện ảnh là hành vi xâm phạm quyền nhân thân phổ biến nhất. Một số trường hợp “đạo” phim như trường hợp bộ phim “*Giao lộ định mệnh*” năm 2010 của đạo diễn Việt kiều Vich-to Vũ bị một số khán giả phát hiện 'giống y chang' bộ phim của Mỹ có tên *Shattered*, được sản xuất và phát hành năm 1991 (của đạo diễn W.Pe-tơ-xen, người từng làm phim *Poseidon*, *Troy*). Ngay lập tức, trên các diễn đàn phim ảnh, nhiều khán giả chỉ ra rằng giữa hai bộ phim này, nội dung phim, thậm chí tình tiết, cấu trúc, diễn biến... giống nhau tới hơn 90%. Ngay những cảnh phim quảng bá (*trailer*), một phần nhạc phim, cho đến nhân vật phụ, và kể cả nhiều cảnh quay, góc quay của *Giao lộ định mệnh* cũng giống hệt *Shattered*.

Không những vậy, với sự phát triển mạnh mẽ của mạng Internet, có hàng loạt bộ phim điện ảnh, phim truyền hình bị vi phạm nghiêm trọng bản quyền. Diễn hình, năm 2012, bộ phim truyền hình *Những đứa con biệt động Sài Gòn* chuẩn bị bán cho các đài truyền hình thì đĩa phim lậu đã bán đầy tại các cửa hàng băng đĩa. Năm 2011, bộ phim *Cánh đồng bắt tận* dù chưa có kế hoạch phát hành dưới dạng DVD đã bị in đĩa bán lậu và tung lên internet khiến nhà sản xuất phải kêu cứu đến Bộ Công an. Trước đó, năm 2007, bộ phim *Dòng máu anh hùng* tuy lập kỷ lục phòng vé khi thu về 4 tỉ đồng trong 3 tuần đầu công chiếu nhưng vẫn lỗ do bản quyền bị xâm phạm nghiêm trọng. Ngay sau khi phim ra rạp, khán giả có thể xem bộ phim này trên các trang mạng với chất lượng cao.

- Trong lĩnh vực nghệ thuật tạo hình:

Cho đến nay, việc tùy tiện sao chép tác phẩm mỹ thuật diễn ra trong nhiều năm vẫn chưa chấm dứt, thậm chí còn ngày càng gia tăng. Hiện tại trong giới mỹ thuật, nhiều họa sỹ Việt Nam nổi tiếng và đắt khách trên thị trường đầu đầu với các tác phẩm vi phạm bản quyền của mình bày bán thân nhiên tại các cửa hàng, thậm chí hè phố. Đối tượng bị xâm phạm nhiều nhất là các tác phẩm nổi tiếng của các tác giả kỳ cựu của ngành mỹ thuật như Nguyễn Phan Chánh, Bùi Xuân Phái, Tô Ngọc Vân, Nguyễn Sáng...

- Trong lĩnh vực phần mềm máy tính:

Trong thời gian qua đã có nhiều hoạt động tự bảo vệ của các doanh nghiệp đầu tư thiết kế chương trình máy tính, hoạt động thanh tra, kiểm tra xử lý đã được tăng cường nhưng kết quả chưa cao. Bởi vậy vi phạm bản quyền trong lĩnh vực phần mềm máy tính diễn ra phổ biến. Tình trạng sử dụng chương trình máy tính không có bản quyền hợp pháp còn diễn ra khá phổ biến, xâm hại tới quyền và lợi ích của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước. Theo kết quả của bản “*Điều tra phần mềm toàn cầu*” do BSA (Liên minh phần mềm doanh nghiệp) thực hiện 2 năm/lần, vừa được công bố trên thế giới vào cuối tháng 6/2014. Theo đó, năm 2013, tỷ lệ máy tính cài đặt phần mềm không có bản quyền tại Việt Nam lại lên tới 81%, giữ nguyên tỷ lệ năm 2011, với tổng số tiền vi phạm ước tính là 620 triệu USD . Tuy nhiên, mức tỷ lệ này vẫn còn khá cao, cần phải suy nghĩ. Thanh tra Bộ Văn hóa, Thể thao & Du lịch cũng vừa tiến hành tổng kết 5 năm thực hiện chỉ thị số 36 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó có nêu bật những kết quả đạt được trong bảo hộ quyền tác giả đối với chương trình máy tính. Tính đến cuối năm 2013, trong giai đoạn 5 năm, lực lượng thanh tra liên ngành đã tiến hành thanh tra, kiểm tra 338 doanh nghiệp, kiểm tra 14.562 máy tính và xử phạt với tổng số tiền phạt lên tới 3,5 tỷ đồng.

• Lĩnh vực truyền hình:

Đối với tác phẩm là chương trình truyền hình, tình trạng xâm phạm bản quyền cũng không mấy khác hơn. Nổi bật là việc các website khai thác chi phí quảng cáo từ việc đăng tải các chương trình truyền hình thực tế hút khách như

Thần tượng âm nhạc (Vietnam Idol), Giọng hát Việt (The Voice)... mà không phải trả chi phí liên quan, đồng thời “hốt bạc” từ số lượt tải về của người xem.

Chỉ tính riêng chương trình The Voice 2012 trên một trang web xem trực tuyến, đã có lượt truy cập lên đến 53 triệu, điều này có thể hình dung chủ thể sở hữu trang này và các đối tác kinh doanh có thể thu được lợi nhuận cực kì lớn mà không phải trả phí cho các đơn vị nắm giữ bản quyền chương trình. Như vậy, trang Web trực tuyến này đã công bố, phân phối tác phẩm mà không được phép của tác giả (khoản 3 Điều 28 Luật SHTT).

****Những nguyên nhân cơ bản của các vi phạm về quyền tác giả ở Việt Nam hiện nay:***

- Sự hiểu biết về quyền tác giả trong đại bộ phận người dân còn thấp, kể cả các tác giả. Có những trường hợp chủ thể vi phạm quyền tác giả không ý thức được đó là hành vi vi phạm quyền tác giả. Song, cũng có những trường hợp họ hiểu đó là hành vi vi phạm nhưng lại coi đó là chuyện bình thường nên vẫn cố tình vi phạm;

- Lĩnh vực pháp luật về quyền tác giả còn khá mới mẻ, cộng thêm công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật chưa được làm tốt đã dẫn đến tình trạng người dân không tiếp cận được với các văn bản pháp luật về quyền tác giả, không hiểu luật nên đã dẫn đến vi phạm đó cũng là chuyện dễ hiểu;

- Hiện nay, sự phối hợp giữa các cơ quan thực thi pháp luật về quyền tác giả chưa được đồng bộ. Việc xử lý vi phạm còn thiếu nghiêm minh;

2.2 CÁC QUY ĐỊNH VỀ TNDS DO XÂM PHẠM QUYỀN TÁC GIẢ THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM

2.2.1 Điều kiện áp dụng TNDS

Điều kiện áp dụng TNDS là những yếu tố, cơ sở để xác định trách nhiệm bồi thường. Các điều kiện phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại phải được xem xét trong mối quan hệ biện chứng, thống nhất và đầy đủ. BLDS không quy định cụ thể các điều kiện phát sinh trách nhiệm bồi thường. Xuất phát từ những quy định, những nguyên tắc của pháp luật nói chung và luật dân sự nói riêng, trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh khi có bốn điều kiện được quy định

tại Nghị quyết số 03/2006/HĐTP-TANDTC ngày 08/07/2006 hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLDS về bồi thường thiệt hại. Theo đó, có bốn điều kiện áp dụng TNDS: *Có thiệt hại thực tế về tài sản; Có hành vi gây thiệt hại là hành vi trái pháp luật; Có lỗi của người gây ra thiệt hại và mối liên hệ nhân quả giữa thiệt hại và hành vi trái pháp luật.*

2.2.1.1 Thiệt hại thực tế xảy ra

Trong trách nhiệm bồi thường thiệt hại, việc xác định thiệt hại về tài sản được coi là tiên đề quan trọng, là điều kiện đầu tiên để xác định áp dụng TNDS. Phạm vi của trách nhiệm bồi thường hoàn toàn phụ thuộc vào thiệt hại thực tế đã xảy ra. Đó là những tổn thất thực tế, tồn tại khách quan và ai cũng phải thừa nhận.

Xác định đúng thiệt hại để ấn định mức bồi thường cụ thể là một vấn đề khó khăn và rất phức tạp. Nguyên tắc của tính toán thiệt hại là những thiệt hại về vật chất (thiệt hại về tài sản) hoặc là những chi phí những thu nhập thực tế bị giảm sút hay bị mất do có sự thiệt hại về tính mạng, sức khỏe đưa đến. Hoặc là những lợi ích vật chất thực tế khác bị mất đi do người vi phạm đã gây ra cho người bị thiệt hại. Một số luật gia Sài Gòn trước đây và một số luật gia phương tây cho rằng việc xác định thiệt hại phải có đủ ba điều kiện sau đây:

- Sự thiệt hại phải là sự đụng chạm đến quyền lợi chính đáng. Tức là quyền lợi đó phải phù hợp với pháp luật, không phi pháp;
- Sự thiệt hại phải chắc chắn hoặc có đủ các yếu tố để ước lượng nó là có thật hoặc sẽ có trên một cơ sở khoa học;
- Sự thiệt hại phải trực tiếp, vì rằng pháp luật không thể bắt buộc người gây thiệt hại phải gánh chịu tất cả hậu quả của hành vi của mình một cách vô tận (không có giới hạn) mà chỉ là thiệt hại trực tiếp do kết quả của hành vi có lỗi và trái pháp luật .

Pháp luật Việt Nam hiện hành coi người có hành vi xâm phạm đến các lợi ích nhân thân như uy tín, danh dự, nhân phẩm... là trái pháp luật. Trước đây, việc bồi thường trong các trường hợp này chưa được quy định cụ thể và cũng chưa được áp dụng trong thực tiễn. Sau khi ban hành BLDS 1995, một số bản án

đã xét xử coi đây là việc khắc phục tổn thất về tinh thần và buộc người có hành vi vi phạm bồi thường một số tiền nhất định. Điều 608 BLDS 2005 xác định thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cụ thể bao gồm: Tài sản bị mất; bị huỷ hoại hoặc bị hư hỏng; lợi ích gắn liền với việc sử dụng, khai thác tài sản; chi phí hợp lý để ngăn chặn, hạn chế và khắc phục thiệt hại.

Ngoài việc bồi thường cho những đối tượng trực tiếp bị thiệt hại về sức khỏe, tính mạng, tài sản, còn có những thiệt hại gián tiếp, có những thiệt hại chưa phát sinh ngay mà ảnh hưởng về lâu dài và chủ thể gây thiệt hại phải có trách nhiệm ngăn chặn, khôi phục nguyên trạng: tình trạng như trước khi chưa xảy ra thiệt hại.

+ Thiệt hại về tính mạng, sức khỏe làm phát sinh thiệt hại về vật chất bao gồm chi phí cứu chữa, bồi thường, chăm sóc, phục hồi chức năng bị mất, thu nhập thực tế bị mất, bị giảm sút do thiệt hại về tính mạng, sức khỏe.

+ Thiệt hại do danh dự, nhân phẩm uy tín bị xâm hại bao gồm chi phí hợp lý để ngăn chặn, khắc phục thiệt hại, thu nhập thực tế bị mất, bị giảm sút do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm hại.

+ Thiệt hại do bị tổn thất về tinh thần. Bộ luật Dân sự quy định: Toà án có thể buộc người xâm hại "bồi thường một khoản tiền để bù đắp tổn thất về tinh thần cho người bị thiệt hại, người thân thích gần gũi của nạn nhân". Những quy định này chỉ định hướng nhưng chưa có tính định lượng trong việc bồi thường thiệt hại. Bởi vậy, Toà án là người phải xác định trong trường hợp nào

Thiệt hại do xâm phạm quyền tác giả bao gồm thiệt hại về vật chất và thiệt hại về tinh thần. Mức độ thiệt hại phải xác định phù hợp với yếu tố xâm phạm quyền tác giả và phải thiệt hại thực tế, không phải chung chung, mơ hồ. Pháp luật Việt Nam coi là tổn hại thực tế, nếu có đủ các căn cứ sau: Lợi ích vật chất hoặc lợi ích tinh thần là có thực và thuộc về người có quyền tác giả; người bị thiệt hại có khả năng đạt được lợi ích vật chất và tinh thần đó; có sự giảm sút hoặc mất lợi ích của người bị thiệt hại, sau khi hành vi xâm phạm xảy ra so với khả năng đạt được lợi ích đó khi không có hành vi xâm phạm.

Nguyên đơn trong vụ án xâm phạm quyền tác giả phải chứng minh hành vi xâm phạm quyền tác giả đã gây thiệt hại về vật chất và tinh thần (nếu có). Nguyên đơn có thể dựa vào một trong các căn cứ sau để yêu cầu tòa án mức bồi thường:

- Tổng thiệt hại vật chất tính bằng tiền cộng với khoản lợi nhuận mà bị đơn đã thu được do hành vi xâm phạm quyền tác giả, nếu khoản lợi nhuận bị giảm sút của nguyên đơn chưa được tính vào tổng thiệt hại vật chất.

- Giá chuyển giao quyền sử dụng đối tượng quyền tác giả với giả định bị đơn được nguyên đơn chuyển giao quyền sử dụng đối tượng đó theo Hợp đồng sử dụng đối tượng của quyền tác giả tương ứng với hành vi xâm phạm đã thực hiện.

2.2.1.2. Có hành vi gây thiệt hại trái pháp luật

Việc xác định hành vi trái pháp luật trong trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng cũng có những đặc trưng riêng. Xác định “tính trái pháp luật” dựa trên nguyên tắc và cơ sở pháp lý do pháp luật quy định trước. Các bên không biết và cũng không thể có sự thoả thuận về vấn đề này. Theo nguyên tắc chung: Mọi hành vi xâm phạm và dưới bất kỳ hình thức nào (có lỗi cố ý, vô ý,... thậm chí không có lỗi áp dụng trong trường hợp do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra) nhưng đã xâm phạm đến quyền tuyệt đối của một chủ thể nhất định đều bị coi là hành vi trái pháp luật.

Hành vi thiệt hại có thể là hành vi hợp pháp nếu người thực hiện hành vi đó theo nghĩa vụ mà pháp luật hoặc nghề nghiệp buộc họ phải thực hiện các hành vi đó. Trong những trường hợp này người gây hại không phải bồi thường; người gây thiệt hại không phải bồi thường trong trường hợp phòng vệ chính đáng, trong tình thế cấp thiết hoặc có sự đồng ý của người bị thiệt hại (khoản 1 Điều 613 BLDS).

Trong lịch sử bảo hộ quyền tác giả trên thế giới, hành vi “tái bản” là một trong những hành vi xâm phạm quyền tác giả đầu tiên xuất hiện và bị ngăn cấm. Tái bản có nghĩa là việc nhân tác phẩm thành nhiều bản khác nhau, thậm chí là sao chép một bản đã vi phạm.

Theo pháp luật Việt Nam, những hành vi thuộc Điều 28 Luật SHTT 2005 sửa đổi 2009 (trừ trường hợp khoản 1 Điều 25 Luật SHTT) bị coi là hành vi xâm phạm quyền tác giả. Một trong những hành vi xâm phạm phổ biến nhất là hành vi sử dụng tác phẩm mà không có sự cho phép, đồng ý của tác giả cũng như chủ sở hữu tác phẩm. Như trường hợp, các ca khúc được các ca sĩ mua độc quyền từ nhạc sĩ, như ca khúc “Cô đơn mình em” đã được Thanh Thảo mua độc quyền từ nhạc sĩ Phương Uyên với giá 500 USD, nhưng sau đó ca sĩ Hiền Thục thể hiện trên nhiều sân khấu; tương tự ca khúc “Tình yêu” của nhạc sĩ Lê Quốc Thắng được Thu Minh mua độc quyền và phát hành trong album “Nếu như thế” cũng bị Hiền Thục thể hiện ở nhiều sân khấu và chương trình truyền hình thực tế mà không hề có sự đồng ý của Thanh Thảo, Phương Uyên cũng như Lê Quốc Thắng. Như vậy, hành động trên của ca sĩ Hiền Thục bị coi là hành vi xâm phạm quyền tác giả.

2.2.1.3 Người gây thiệt hại có lỗi

Trong khoa học luật dân sự, lỗi được hiểu là yếu tố chủ quan nói lên thái độ tâm lý của con người có khả năng đánh giá và nhận thức được hành vi của mình là đúng hay sai và hậu quả của hành vi đó. Lỗi là một trong bốn điều kiện phát sinh của TNDS và có ý nghĩa quan trọng trong việc quyết định mức độ trách nhiệm bồi thường.

Trong luật dân sự cũng giống với luật hình sự khi có sự phân biệt tính chất và mức độ lỗi để thể hiện mức độ vi phạm của chủ thể vi phạm. Theo đó, lỗi chia làm hai loại: Lỗi vô ý và lỗi cố ý. Cố ý gây thiệt hại là trường hợp một người nhận thức rõ hành vi của mình sẽ gây thiệt hại cho người khác mà vẫn thực hiện và mong muốn hoặc không mong muốn, nhưng để mặc cho thiệt hại xảy ra. Vô ý gây thiệt hại là trường hợp một người không thấy trước hành vi của mình có khả năng gây thiệt hại, mặc dù phải biết hoặc có thể biết trước thiệt hại sẽ xảy ra hoặc thấy trước hành vi của mình có khả năng gây thiệt hại, nhưng cho rằng thiệt hại sẽ không xảy ra hoặc có thể ngăn chặn được.

Vì vậy, có những trường hợp xảy ra ngoài ý chí mong muốn của người có hành vi trái pháp luật như: bão, lụt do thiên tai hoặc những trở lực khách quan

khác mà con người không có khả năng để khắc phục. Do đó, tùy từng hoàn cảnh điều kiện cụ thể mà có thể giảm hoặc miễn trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho người có hành vi trái pháp luật trên cơ sở xác định lỗi.

Tuy nhiên, cần chú ý là đối với trường hợp pháp luật có quy định việc bồi thường thiệt hại cả khi không có lỗi, thì trách nhiệm bồi thường của người gây thiệt hại trong trường hợp này được thực hiện theo quy định của văn bản quy phạm pháp luật đó.

Lỗi là trạng thái ý thức của con người nhận thức được hành vi của mình và hậu quả do hành vi đó gây ra, thực hiện hành vi ấy một cách vô ý hoặc cố ý.

2.2.1.4 Môi quan hệ nhân quả giữa thiệt hại và hành vi trái pháp luật

Phạm trù nguyên nhân, kết quả là một cặp phạm trù trong triết học. Nguyên nhân luôn có trước kết quả và kết quả là hậu quả của nguyên nhân. Môi quan hệ nhân quả giữa hành vi xâm phạm và thiệt hại trong xác định bồi thường thiệt hại đối với hành vi xâm phạm quyền tác giả cũng vậy. Nghĩa là, hành vi xâm phạm quyền tác giả phải có trước khi thiệt hại xảy ra, hành vi xâm phạm này là nguyên nhân trực tiếp, cơ bản dẫn đến thiệt hại; thiệt hại xảy ra phải là kết quả tất yếu của hành vi đó và ngược lại, hành vi này nguyên nhân gây ra thiệt hại.

Tuy nhiên, cần phải phân biệt giữa nguyên nhân và điều kiện. Nói nguyên nhân của một kết quả có nghĩa là nguyên nhân là cái trong điều kiện bình thường thì tất yếu sẽ sinh ra kết quả ấy; còn điều kiện thì không thể sinh ra kết quả được mà chỉ làm cho kết quả xảy ra nhanh hay chậm, mạnh hay yếu mà thôi.

Việc xác định mối quan hệ nhân quả giữa hành vi xâm phạm và thiệt hại thực tế trong nhiều trường hợp rất khó xác định. Do đó, cần phải xem xét, phân tích, đánh giá tất cả các sự kiện liên quan một cách thận trọng, khách quan và toàn diện; từ đó đưa ra kết luận chính xác về nguyên nhân, xác định đúng trách nhiệm của người gây thiệt hại.

Người có gây thiệt hại chỉ phải chịu trách nhiệm dân sự khi nào những thiệt hại về tài sản xảy ra là kết quả của chính hành vi trái pháp luật của người đó. Tức là hành vi trái pháp luật của người gây thiệt hại phải là nguyên nhân gây

ra thiệt hại về tài sản cho người bị thiệt hại (nguyên nhân có thể là trực tiếp hoặc gián tiếp).

Mối quan hệ nhân quả là mối liên hệ phổ biến giữa các sự vật và hiện tượng trong tự nhiên và trong xã hội. Phạm trù quan hệ nhân quả là yếu tố khách quan, tồn tại ngoài ý thức của con người. Do vậy, giữa nguyên nhân và kết quả phải có mối liên hệ nội tại, tất yếu. Tính tất yếu thể hiện: Sự vận động là nguyên nhân đương nhiên xuất hiện kết quả nhất định (gây ra thiệt hại thực tế). Nguyên nhân và kết quả phải xảy ra trong một không gian xác định, nối tiếp nhau trong một thời gian nhất định và bao giờ nguyên nhân cũng phải xảy ra trước kết quả.

Quan hệ nhân quả có ý nghĩa quan trọng trong việc quy kết trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Do vậy, khi xem xét và đánh giá mối quan hệ nhân quả cần phân biệt nguyên nhân với điều kiện, nguyên nhân trực tiếp và nguyên nhân gián tiếp. Chỉ khi nào xác định được rõ ràng rằng hành vi trái pháp luật của người gây thiệt hại có ý nghĩa quyết định trong việc làm phát sinh thiệt hại thực tế, thì người đó mới phải chịu trách nhiệm bồi thường.

2.2.2 Quy định của pháp luật Việt Nam về TNDS

Tại Việt Nam, có nhiều văn bản pháp luật đã được ban hành để điều chỉnh các quan hệ sở hữu trí tuệ, tạo nên một lĩnh vực pháp luật tương đối riêng biệt. Theo đó, các quy định liên quan đến vấn đề bồi thường thiệt hại đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ nói chung và quyền tác giả nói riêng cũng khá đầy đủ, được quy định trong các văn bản như: Bộ luật Dân sự năm 2005, Bộ luật Hình sự 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004 (sửa đổi, bổ sung năm 2010), Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009), Luật Thương mại năm 2005, Nghị định số 88/2010/NĐ – CP của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật SHTT và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật SHTT về quyền đối với giống cây trồng; Nghị định số 105/2006/NĐ – CP ngày 22/09/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật SHTT về bảo vệ quyền SHTT và quản lý Nhà nước về SHTT (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 119/2010/NĐ – CP ngày 30/12/2010); Nghị định số

85/2011/NĐ – CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2006/NĐ – CP ngày 21 tháng 9 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của BLDS, Luật SHTT về quyền tác giả và quyền liên quan; và một số văn bản khác liên quan.

2.2.2.1 Các biện pháp dân sự được áp dụng trong xử lý hành vi xâm phạm quyền tác giả

Bên cạnh các biện pháp hành chính, hình sự, biện pháp dân sự là biện pháp được áp dụng nhiều nhất để xử lý hành vi xâm phạm quyền tác giả. Biện pháp dân sự được áp dụng để xử lý hành vi xâm phạm quyền tác giả theo yêu cầu của chủ thể quyền tác giả hoặc của tổ chức, cá nhân bị thiệt hại do hành vi xâm phạm gây ra ngay cả khi hành vi đó đã, đang bị xử lý bằng biện pháp hành chính hoặc hình sự. Các biện pháp dân sự theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ Việt Nam bao gồm:

a. Buộc chấm dứt hành vi xâm phạm

Người có quyền tác giả có thể trực tiếp yêu cầu chấm dứt hành vi xâm phạm đến người có hành vi xâm phạm hoặc gửi đơn tới Tòa án nhân dân để yêu cầu giải quyết. Theo yêu cầu của người khởi kiện, Tòa án quyết định buộc người có hành vi xâm phạm chấm dứt ngay hành vi xâm phạm như buộc người có hành vi xâm phạm quyền tác giả chấm dứt việc sao chép, phát tán tác phẩm mà không được sự cho phép của tác giả...Việc buộc chấm dứt hành vi xâm phạm không chỉ dừng lại ở việc yêu cầu không được tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm nữa mà còn gồm cả yêu cầu xóa bỏ nguy cơ tiếp tục vi phạm.

Căn cứ vào tài liệu, biên bản giám định kết hợp xem xét thực tế công trình xây dựng tại Ban chỉ huy Quân sự thành phố Đà Nẵng cũng như trình bày của các nguyên đơn, bị đơn, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xác định Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư và xây dựng Tường Phát đã có hành vi xâm phạm quyền tác giả đối với các tác phẩm kiến trúc của ông Lê Văn Vĩnh và Nguyễn Văn Minh ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của các tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả. Theo đó, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã ra quyết định yêu cầu

công ty cổ phần Tư vấn đầu tư và xây dựng Tường Phát chấm dứt hành vi sao chép các tác phẩm kiến trúc nói trên của hai tác giả Lê Văn Vĩnh và Nguyễn Văn Minh.

Trường hợp vi phạm quyền nhân thân như không nêu tên tác giả, nêu sai tên tác giả thì quyền yêu cầu chấm dứt hành vi vi phạm là việc yêu cầu phải ghi tên tác giả, sửa tên tác giả, cải chính công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

b. Buộc xin lỗi, cải chính công khai

Biện pháp dân sự này thông thường được áp dụng cùng các biện pháp khác như: Buộc chấm dứt hành vi xâm phạm, buộc bồi thường thiệt hại... nhằm khôi phục danh dự, nhân phẩm, uy tín, danh tiếng cho chủ thể quyền tác giả bị xâm phạm. Đặc biệt đối với những hành vi cắt xén, ghi sai tên tác giả, tác phẩm... ảnh hưởng đến uy tín, nhân phẩm của tác giả, biện pháp buộc xin lỗi cải chính công khai thường được áp dụng. Theo đó, phải hiểu xin lỗi công khai ở đây không đồng nghĩa với việc bên vi phạm gặp gỡ trực tiếp bên bị vi phạm để xin lỗi công khai mà việc xin lỗi, cải chính này phải được tăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng để nhiều người biết đến như: Đài phát thanh, truyền hình, báo chí... Cụ thể, người có hành vi xâm phạm quyền tác giả phải thực hiện xin lỗi, cải chính công khai có thể tại nơi địa chỉ chính của người bị thiệt hại hoặc đăng công khai trên báo hàng ngày của cơ quan trung ương hoặc báo địa phương nơi có địa chỉ chính của người bị thiệt hại trong ba số liên tiếp.

c. Buộc bồi thường thiệt hại

Khi phát hiện ra hành vi vi phạm, chủ thể quyền có thể tự thỏa thuận với bên vi phạm về việc bồi thường thiệt hại, hoặc có thể yêu cầu Tòa án buộc bên vi phạm bồi thường thiệt hại cho mình. Tuy nhiên, chủ thể quyền sẽ được bên vi phạm bồi thường thiệt hại khi chứng minh được đó là hành vi xâm phạm quyền tác giả xảy ra trên thực tế; có thiệt hại xảy ra; có mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại xảy ra và hành vi xâm phạm quyền tác giả; có lỗi vô ý hoặc cố ý của người có hành vi vi phạm.

Theo pháp luật Việt Nam, các hành vi xâm phạm quyền tác giả bao gồm hành vi xâm phạm quyền nhân thân và hành vi xâm phạm quyền tài sản. Các hành vi này đều phải là hành vi trái pháp luật và được quy định tại Điều 28 Luật SHTT. Căn cứ vào Điều 28 này, chủ thể quyền có thể nhận biết được hành vi của cá nhân, tổ chức khác có vi phạm quyền tác giả của mình hay không.

Thiệt hại do xâm phạm quyền tác giả bao gồm thiệt hại về vật chất và thiệt hại về tinh thần. Mức độ thiệt hại phải xác định phù hợp với yếu tố xâm phạm quyền tác giả và phải thiệt hại thực tế, không phải chung chung, mơ hồ. Pháp luật Việt Nam coi là tổn hại thực tế, nếu có đủ các căn cứ sau: Lợi ích vật chất hoặc lợi ích tinh thần là có thực và thuộc về người có quyền tác giả; người bị thiệt hại có khả năng đạt được lợi ích vật chất và tinh thần đó; có sự giảm sút hoặc mất lợi ích của người bị thiệt hại, sau khi hành vi xâm phạm xảy ra so với khả năng đạt được lợi ích đó khi không có hành vi xâm phạm.

Nguyên đơn trong vụ án xâm phạm quyền tác giả phải chứng minh hành vi xâm phạm quyền tác giả đã gây thiệt hại về vật chất và tinh thần (nếu có). Nguyên đơn có thể dựa vào một trong các căn cứ sau để yêu cầu tòa án mức bồi thường:

- Tổng thiệt hại vật chất tính bằng tiền cộng với khoản lợi nhuận mà bị đơn đã thu được do hành vi xâm phạm quyền tác giả, nếu khoản lợi nhuận bị giảm sút của nguyên đơn chưa được tính vào tổng thiệt hại vật chất.

- Giá chuyển giao quyền sử dụng đối tượng quyền tác giả với giả định bị đơn được nguyên đơn chuyển giao quyền sử dụng đối tượng đó theo Hợp đồng sử dụng đối tượng của quyền tác giả tương ứng với hành vi xâm phạm đã thực hiện.

Trường hợp không thể xác định được mức bồi thường về vật chất theo các căn cứ trên thì mức bồi thường này sẽ do Tòa án ấn định, tùy thuộc vào mức độ thiệt hại nhưng không quá năm trăm triệu đồng (điểm c khoản 1 Điều 25 Luật SHTT).

Bồi thường thiệt hại sẽ được áp dụng dựa trên những nguyên tắc bồi thường thiệt hại theo Điều 605 BLDS 2005 như sau:

- Thiệt hại phải được bồi thường toàn bộ và kịp thời. Các bên có thể thỏa thuận về mức bồi thường, hình thức bồi thường bằng tiền, bằng hiện vật hoặc thực hiện một công việc, phương thức bồi thường một lần hoặc nhiều lần, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Người gây thiệt hại có thể được giảm mức bồi thường, nếu do lỗi vô ý mà gây thiệt hại quá lớn so với khả năng kinh tế trước mắt và lâu dài của mình.

- Khi mức bồi thường không còn phù hợp với thực tế thì người bị thiệt hại hoặc người gây thiệt hại có quyền yêu cầu Tòa án hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác thay đổi mức bồi thường.

d. Buộc tiêu hủy vật phẩm xâm phạm

Hành vi xâm phạm quyền tác giả rất đa dạng, trong đó phổ biến nhất là hành vi sao chép lậu. Các vật phẩm vi phạm này chất lượng kém hơn hẳn so với hàng thật. Sách in lậu trang giấy thường mỏng, chữ lem nhem khó đọc, sai lỗi chính tả rất nhiều... Vì thế, đối với vật phẩm này, nguyên đơn trong vụ án vi phạm quyền tác giả có quyền yêu cầu Tòa án cho tiêu hủy.

Bên cạnh đó, các hành vi xâm phạm khác như: Bán các tác phẩm mà chữ ký của tác giả bị giả mạo, sửa chữa, cắt xén, xuyên tạc tác phẩm... thì các tác phẩm này có thể bị Tòa án tuyên bị tiêu hủy nếu thấy cần thiết.

Quyết định buộc tiêu hủy hoặc buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại đối với hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu và phương tiện mà không phục thuộc vào việc chủ thể quyền có yêu cầu hay không yêu cầu. Khi quyết định buộc yêu cầu hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu và phương tiện được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hóa xâm phạm quyền tác giả, Tòa án sẽ quyết định trách nhiệm của người có hành vi xâm phạm quyền tác giả phải chịu chi phí cho việc tiêu hủy đó.

Tại khoản 5 Điều 202 Luật SHTT đã quy định cụ thể biện pháp này như sau:

“5. Buộc tiêu hủy hoặc buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại đối với hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu và phương tiện được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hóa xâm phạm quyền

sở hữu trí tuệ với điều kiện không làm ảnh hưởng đến khả năng khai thác quyền của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ”.

Tuy nhiên, trên thực tế, có rất ít trường hợp, Tòa án đưa ra quyết định tiêu hủy nguyên liệu, vật liệu, phương tiện được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hóa xâm phạm quyền SHTT. Thông thường, các cơ quan chức năng như Thanh tra hay Công an quận, huyện... sẽ là người thực hiện việc phát hiện và tịch thu, tiêu hủy những vật liệu, phương tiện, sản phẩm xâm phạm quyền tác giả bằng biện pháp hành chính.

e. Buộc thực hiện nghĩa vụ dân sự

Biện pháp dân sự buộc thực hiện nghĩa vụ dân sự được quy định tại khoản 4 Điều 202 Luật SHTT. Đây là loại TNDS do cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng những biện pháp cưỡng chế buộc người có hành vi vi phạm nghĩa vụ phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ đối với bên có quyền. Thông thường, biện pháp dân sự này được áp dụng khi bên có quyền và bên có nghĩa vụ có quan hệ hợp đồng với nhau. Hành vi vi phạm nghĩa vụ ở đây được hiểu là không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ đã thỏa thuận theo hợp đồng. Khi áp dụng biện pháp này cần căn cứ vào các quy định tương ứng tại các mục 2 và mục 3 Chương XVII, Phần thứ ba của Bộ luật Dân sự 2005 theo nguyên tắc bên có nghĩa vụ phải thực hiện nghĩa vụ của mình một cách trung thực, theo tinh thần hợp tác, đúng cam kết, không trái pháp luật, đạo đức xã hội (Điều 283 Bộ luật Dân sự 2005).

2.2.2.2 Nguyên tắc xác định thiệt hại

Thiệt hại là điều kiện đầu tiên làm phát sinh nghĩa vụ bồi thường. Nguyên tắc bồi thường toàn bộ thiệt hại chỉ có thể thực hiện được đầy đủ và chính xác khi xác định “toàn bộ thiệt hại” là bao nhiêu và trên cơ sở đó ấn định mức bồi thường. Xác định thiệt hại là một việc rất khó khăn và phức tạp. Mục 2 chương XXI Phần thứ ba BLDS quy định về các loại thiệt hại được bồi thường và cách thức xác định thiệt hại về tài sản (Điều 608 BLDS), thiệt hại về sức khỏe (Điều 609 BLDS), thiệt hại về tính mạng (Điều 610 BLDS), về danh dự, nhân phẩm,

uy tín (Điều 611 BLDS) và Điều 204 Luật SHTT về nguyên tắc xác định thiệt hại do xâm phạm quyền SHTT.

- **Tồn thất về tài sản**

Tồn thất về tài sản được xác định theo mức độ giảm sút hoặc bị mất về giá trị tính được thành tiền của đối tượng quyền tác giả được bảo hộ. Giá trị tài sản của quyền tác giả có thể được tính bằng một trong các phương pháp như: Các phương pháp dựa trên chi phí, các phương pháp dựa trên thị trường, các phương pháp dựa trên thu nhập.

Đối với các phương pháp xác định giá dựa trên thị trường, thông thường sẽ được thực hiện bằng cách so sánh đối tượng của quyền tác giả cần xác định giá với các đối tượng tương tự, hay các lợi ích sở hữu quyền tác giả và các chứng khoán đã được bán trên thị trường mở. Phương pháp này được áp dụng sẽ cho ra kết quả có độ chính xác cao. Tuy nhiên, đây là phương pháp khó áp dụng trong thực tế do để tìm được các cuộc giao dịch về quyền tác giả tương tự trên thị trường là điều không đơn giản; hơn nữa, giá thanh toán của các giao dịch này còn có thể bao gồm cả các chi phí khác có liên quan nên việc xác định giá trị quyền tác giả sẽ gặp nhiều khó khăn.

Đối với các phương pháp xác định dựa trên chi phí, việc tìm ra giá trị tài sản dựa trên nguyên tắc thay thế, “giá trị của một tài sản sẽ không lớn hơn chi phí thay thế tất cả các bộ phận hợp thành của nó”. Có hai phương pháp xác định giá dựa trên chi phí là phương pháp dựa trên chi phí quá khứ và phương pháp dựa trên chi phí thay thế tái tạo. Nếu xác định tính giá trị quyền tác giả theo phương pháp dựa trên chi phí thay thế tái tạo thì phải xác định tổng hợp các chi phí cần thiết để tái tạo lại tác phẩm. Phương pháp chi phí thay thế khấu hao thích hợp cho việc xác định giá trị quyền tác giả của phần mềm máy tính. Công thức tính như sau:

$$\text{Giá phần mềm máy tính} = \text{Chi phí thay thế tái tạo} - \text{khấu hao}$$

Đối với các phương pháp xác định giá dựa trên thu nhập, nguyên tắc cơ bản để tính giá trị là phải tính thu nhập mà quyền tác giả mang lại trong tương lai. Các phương pháp xác định giá dựa trên thu nhập bao gồm: Phương pháp vốn

hóa lợi nhuận trong quá khứ; phương pháp vốn hóa lợi nhuận vượt trội; phương pháp tiền bản quyền tác giả; phương pháp giá trị hiện tại ròng của các dòng tiền cận biên thu được trong tương lai. Trên thực tế, đối với hầu hết các đối tượng được bảo hộ của quyền tác giả (tác phẩm văn học, báo chí, sân khấu, điện ảnh, tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng...) phương pháp xác định giá được áp dụng nhiều nhất là phương pháp tiền bản quyền tác giả. Giá trị quyền tác giả theo phương pháp này được ước tính bằng số tiền mà chủ thể quyền phải trả để sử dụng tác phẩm, giả sử chủ thể này không phải chủ sở hữu tác phẩm đó; sau đó sử dụng một tỷ lệ vốn hóa thích hợp để xác định giá trị của quyền tác giả.

- **Về việc xác định giá chuyển nhượng quyền sở hữu hoặc giá chuyển giao quyền sử dụng quyền tác giả:**

Quyền tác giả là một loại tài sản, nhưng là một loại tài sản đặc biệt. Tuy nhiên, nó vẫn mang đặc tính chung của các loại tài sản khác và trao cho chủ sở hữu của nó quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt. Chủ sở hữu tác phẩm có quyền trao tài sản đặc biệt này cho một chủ sở hữu mới thông qua Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu quyền tác giả; hoặc trao quyền sử dụng cho cá nhân, tổ chức khác thông qua Hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng quyền tác giả. Đối với các loại hợp đồng này, điều khoản giá chuyển nhượng, hoặc chuyển giao là điều cơ bản của hợp đồng. Chủ sở hữu tác phẩm là một bên trong quan hệ hợp đồng có quyền được hưởng số tiền thu được từ các hợp đồng này. Nếu xảy ra hành vi xâm phạm quyền tác giả như sử dụng tác phẩm để cải biên, chuyển thể, dịch hay phân phối, sao chép, xuất bản... mà không ký hợp đồng sử dụng tác phẩm với chủ sở hữu thì chủ sở hữu sẽ mất đi một khoản tiền đáng lẽ ra họ được hưởng.

- **Về việc xác định giá trị góp vốn kinh doanh bằng quyền tác giả:**

Pháp luật Việt Nam không quy định những hình thức góp vốn kinh doanh cụ thể. Cho nên, bất kỳ tài sản hợp pháp nào cũng có thể trở thành vốn góp trong kinh doanh khi chủ sở hữu có nhu cầu và được sự đồng ý của các chủ thể góp vốn còn lại. Quyền tác giả là một loại tài sản; do đó, chủ sở hữu quyền tác giả có thể đem tài sản này góp vốn vào các doanh nghiệp. Hành vi xâm phạm quyền

tác giả trong trường hợp này xảy ra sẽ rất dễ làm cho chủ thể quyền bị mất giá trị tài sản vốn góp này.

- **Về việc xác định giá trị chuyển quyền tác giả trong tổng số tài sản của doanh nghiệp:**

Trường hợp này áp dụng đối với quyền tác giả có chủ sở hữu là các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế. Tài sản của doanh nghiệp bao gồm cả tài sản hữu hình (máy móc, thiết bị, nhà xưởng...) và tài sản vô hình (uy tín doanh nghiệp, nguồn lao động ngành nghề, quyền sở hữu trí tuệ...) trong đó, tài sản vô hình đóng một vai trò quan trọng, thậm chí là đặc biệt quan trọng, đem lại giá trị kinh tế cao cho chủ thể kinh doanh.

Doanh nghiệp là chủ sở hữu các tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học có quyền chuyển quyền sử dụng cho các cá nhân, tổ chức khi có nhu cầu. Một số doanh nghiệp giá trị của việc chuyển nhượng quyền tác giả là nguồn lợi nhuận chính chủ yếu.

- **Về việc xác định giá trị đầu tư cho việc tạo ra và phát triển đối tượng của quyền tác giả, bao gồm các chi phí cho việc tiếp thị, nghiên cứu, quảng cáo, lao động, thuế, và các chi phí khác:**

Để tạo ra được một sản phẩm trí tuệ, ngoài đầu tư về mặt thời gian, công sức, còn phải đầu tư về tiền bạc. Khi sản phẩm ra đời, đôi khi chủ sở hữu cũng phải tiếp tục tiếp thị, quảng cáo cho sản phẩm mới này để công chúng, khách hàng biết đến, nhất là đối với các tác phẩm mỹ thuật ứng dụng. Các doanh nghiệp là chủ sở hữu cùng một bản thiết kế cho một mẫu bao bì sản phẩm mới rất cần tiếp thị để khách hàng biết đến.

Nếu chủ sở hữu quyền tác giả biết được có sự vi phạm đối với quyền tác giả của mình, khởi kiện ra Tòa thì tất cả những thiệt hại trên đây đều được tính vào thiệt hại cho chủ thể quyền.

Ngoài các chi phí trên, chi phí thuê luật sư cũng được xác định là chi phí để bên có hành vi xâm phạm quyền tác giả bồi thường cho chủ thể quyền. Cụ thể quy định tại khoản 3 Điều 205, Luật SHTT: “*Ngoài khoản bồi thường thiệt hại quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, chủ thể quyền sở hữu trí tuệ có quyền*

yêu cầu Tòa án buộc tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ phải thanh toán chi phí hợp lý để thuê luật sư”. Đây được coi là một bước tiến mới trong quan điểm pháp lý của Việt Nam về xác định thiệt hại trong lĩnh vực SHTT nói chung và quyền tác giả nói riêng. Điều này một lần nữa đã cho thấy những quyết tâm của Việt Nam về chính sách bảo hộ ngày một tốt hơn các quyền sở hữu trí tuệ. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là mọi yêu cầu về phí luật sư trong các vụ kiện đòi bồi thường do quyền sở hữu trí tuệ bị xâm hại đều được chấp nhận mà phụ thuộc phần lớn vào tính hợp lý của các yêu cầu này.

- **Thu nhập bị giảm sút**

Thu nhập từ giá trị quyền tác giả bao gồm: Thu nhập, lợi nhuận thu được từ việc sử dụng, khai thác trực tiếp quyền tác giả hoặc từ việc chuyển giao quyền sử dụng quyền tác giả.

- Thu nhập, lợi nhuận thu được từ việc sử dụng, khai thác trực tiếp quyền tác giả. Quyền sử dụng là quyền tài sản quan trọng của quyền tác giả, bao gồm quyền công bố, phổ biến, phân phối, cải biên, chuyển thể tác phẩm... Do đó, việc khai thác, sử dụng tác phẩm đem lại lợi nhuận khá cao cho tác giả, chủ sở hữu tác phẩm. Một họa sỹ có thể mở các cuộc triển lãm tranh cá nhân, nhạc sỹ tự mình sáng tác và biểu diễn, nhà xuất bản in tác phẩm thành sách phân phối trên thị trường... Nhưng, nếu các tác phẩm này bị sao chép lại, bày bán trên thị trường sẽ chiếm lĩnh thị phần của các sản phẩm có bản quyền gây thất thu cho tác giả, chủ sở hữu tác phẩm.

- Thu nhập, lợi nhuận thu được do chuyển giao quyền sử dụng quyền tác giả. Việc chuyển quyền sử dụng quyền tác giả đối với mỗi đối tượng là khác nhau. Tuy nhiên, việc phân phối sản phẩm trên thị trường với mục đích thương mại sẽ đều phải tuân thủ theo quy định cung – cầu của nền kinh tế. Khi nguồn cung nhỏ hơn cầu thì giá thành cao, ngược lại khi nguồn cung lớn hơn cầu thì giá thành giảm xuống. Nếu không có hành vi xâm phạm quyền tác giả xảy ra thì chủ sở hữu tác phẩm là người độc quyền phát hành tác phẩm của mình, lượng cung như thế nào do chủ sở hữu quyết định.

Tổn thất về cơ hội kinh doanh

Cơ hội kinh doanh là thời cơ, điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp thu thêm nguồn lợi nhuận cho mình. Tổn thất về cơ hội kinh doanh là thiệt hại về giá trị tính được thành tiền của khoản thu nhập đáng lẽ người bị thiệt hại có thể có được khi sử dụng, khai thác trực tiếp tác phẩm, cho người khác thuê tác phẩm, chuyển giao quyền sử dụng tác phẩm nhưng thực tế không có được khoản thu nhập này do hành vi xâm phạm quyền tác giả gây ra. Ví dụ như trường hợp tác giả của một cuốn tiểu thuyết có thể liên kết với nhà xuất bản tiến hành phát hành độc quyền, nhưng trên một trang mạng, cuốn tiểu thuyết đó đã được phát tán. Điều này dẫn đến tác giả của cuốn tiểu thuyết mất đi cơ hội kinh doanh đáng nhẽ được hưởng khi tiến hành xuất bản cuốn tiểu thuyết đó. Tuy nhiên, khi kiện yêu cầu chủ thể có hành vi vi phạm bồi thường thiệt hại cho mình thì chủ thể quyền phải chứng minh cơ hội kinh doanh đó là khả năng thực tế xảy ra, nếu không có hành vi xâm phạm quyền tác giả.

- **Chi phí hạn chế, khắc phục thiệt hại**

Các chi phí này bao gồm: Chi phí cho việc tạm giữ, bảo quản, lưu kho, lưu bãi đối với hàng hóa xâm phạm; chi phí thực hiện các biện pháp khẩn cấp, tạm thời; chi phí hợp lý để thuê dịch vụ giám định, ngăn chặn, khắc phục hành vi xâm phạm và chi phí cho việc thông báo, cải chính công khai trên phương tiện thông tin đại chúng.

- **Tổn thất tinh thần**

Tổn thất về tinh thần đối với tác giả được hiểu là do hành vi xâm phạm quyền tác giả như ghi sai tên tác giả, mạo danh tác giả, cắt xén tác phẩm, thậm chí là xuyên tạc tác phẩm... mà chủ thể quyền này phải gánh chịu buồn phiền, nhân phẩm, uy tín bị giảm sút... Đặc biệt, đối với giới văn nghệ sỹ, việc săn tìm ý tưởng, cảm hứng là khởi nguồn cho hoạt động nghề nghiệp của họ nhưng vì phải “chạy” theo các vụ án vi phạm bản quyền, sự mệt mỏi, buồn phiền đã khiến cảm hứng sáng tác bị giảm sút đi nhiều.

2.2.2.3 Thủ tục yêu cầu

a. Thẩm quyền xử lý

Thẩm quyền giải quyết các tranh chấp về quyền tác giả lần đầu tiên được quy định trong Pháp lệnh bảo hộ quyền tác giả 1994, tại Điều 44 và Điều 55. Song, pháp lệnh này không quy định những loại tranh chấp nào về quyền tác giả thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án mà chỉ quy định chung chung: “Tranh chấp quyền tác giả có thể được giải quyết tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tại Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Các tranh chấp có yếu tố nước ngoài về bảo hộ quyền tác giả được giải quyết tại cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội hoặc Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo pháp luật Việt Nam và các Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia” (Điều 44, 45). Tiếp đó, 5/12/2001 Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Văn hóa - Thông tin đã ban hành Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT/TANDTC – VKSNDTC – BVHTT về giải quyết các tranh chấp liên quan đến quyền tác giả tại Tòa án nhân dân. Và hiện nay, tại khoản 4 Điều 25, khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự 2004 cũng chỉ quy định chung chung: Tranh chấp về quyền SHTT, chuyển giao công nghệ thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án. Tất cả những văn bản pháp luật này đều chưa quy định rõ, đầy đủ các tranh chấp về quyền SHTT cụ thể nào thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án theo thủ tục tố tụng dân sự.

b. Người có quyền khởi kiện các vụ án xâm phạm quyền tác giả

Khác với quyền sở hữu công nghiệp, tác giả, chủ sở hữu, người sử dụng hợp pháp đối tượng của quyền sở hữu công nghiệp chỉ có quyền khởi kiện cá nhân, tổ chức khác xâm phạm quyền SHTT của mình khi đã được cấp văn bằng bảo hộ cho đối tượng sở hữu công nghiệp đó, còn đối với quyền tác giả thì quyền khởi kiện phát sinh từ thời điểm tác phẩm được thể hiện dưới hình thức vật chất nhất định, không cần biết tác phẩm được cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả hay chưa. Tuy nhiên, cần lưu ý, nếu một người nào đó có ý tưởng sáng tạo tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học nhưng chưa thể hiện ý tưởng này dưới một hình thức vật chất nhất định thì cũng không thể khởi kiện yêu cầu tòa án bảo vệ quyền của mình đối với ý tưởng đó.

Bên cạnh đó, khi khởi kiện vi phạm quyền tác giả cần phải xét đến thời hiệu khởi kiện yêu cầu giải quyết vụ án dân sự là hai năm, kể từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức bị xâm phạm. Ngoài ra, trường hợp tác giả, chủ sở hữu tác phẩm khởi kiện về hành vi xâm phạm quyền tài sản (Điều 20) và quyền nhân thân có thể chuyển dịch (khoản 3 Điều 19) thì việc khởi kiện chỉ được chấp nhận trong thời hạn tác phẩm được bảo hộ.

Về quyền khởi kiện hành vi xâm phạm quyền tác giả, Luật SHTT 2005 không quy định cụ thể, song vấn đề này được hướng dẫn tại Nghị định số 100/2006/NĐ – CP ngày 21/09/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của BLDS, Luật SHTT về quyền tác giả và quyền liên quan. Tại Điều 44 Nghị định này quy định các chủ thể sau có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về quyền SHTT: Tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả; người thừa kế hợp pháp của tác giả hoặc chủ sở hữu quyền tác giả; cá nhân, tổ chức được chuyển giao quyền của chủ sở hữu quyền tác giả; tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả được ủy quyền; các chủ thể khác theo quy định của pháp luật; cơ quan nhà nước, tổ chức liên quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có quyền khởi kiện vụ án dân sự để yêu cầu tòa án bảo vệ lợi ích công cộng, lợi ích của nhà nước thuộc lĩnh vực quyền tác giả.

c. Đơn, chứng cứ kèm theo đơn

*** Đơn:**

Đơn yêu cầu xử lý xâm phạm về quyền tác giả phải có các nội dung chủ yếu sau: Ngày, tháng, năm làm đơn yêu cầu; tên, địa chỉ của người yêu cầu xử lý xâm phạm; họ tên người đại diện, nếu yêu cầu được thông qua người đại diện; tên cơ quan nhận đơn yêu cầu; tên, địa chỉ của người xâm phạm; tên, địa chỉ của người bị nghi ngờ là xâm phạm trong trường hợp yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu bị nghi ngờ là xâm phạm; tên, địa chỉ của tổ chức có quyền, lợi ích liên quan (nếu có); tên, địa chỉ của người làm chứng (nếu có).

*** Tài liệu, chứng cứ, hiện vật kèm theo đơn:**

Người yêu cầu xử lý xâm phạm phải gửi kèm theo đơn yêu cầu xử lý xâm phạm, các tài liệu, chứng cứ, hiện vật sau đây để chứng minh quyền yêu cầu của mình:

+ Chứng cứ chứng minh là chủ thể quyền, nếu người yêu cầu là chủ sở hữu hoặc người được chuyển giao, được thừa kế, kế thừa quyền tác giả. Tài liệu chứng minh tư cách chủ thể quyền này là bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, hoặc bản sao có công chứng hoặc xác nhận của Cục bản quyền tác giả và bản trích lục sổ đăng ký quốc gia về quyền tác giả (đối với trường hợp quyền tác giả đã được đăng ký tại Cục bản quyền tác giả); bản gốc hoặc bản sao tác phẩm, kèm theo các tài liệu khác chứng minh việc tạo ra, công bố, phổ biến tác phẩm, cùng các chứng cứ khác (nếu có) (đối với trường hợp tác giả không đăng ký tác phẩm tại Cục bản quyền tác giả).

Trong trường hợp người yêu cầu xử lý xâm phạm là người được chuyển nhượng quyền tác giả, chuyển quyền sử dụng quyền tác giả, được thừa kế, kế thừa quyền tác giả thì ngoài các tài liệu trên phải xuất trình bản gốc hoặc bản sao hợp pháp Hợp đồng chuyển nhượng quyền tác giả, Hợp đồng chuyển nhượng quyền tác giả, Hợp đồng sử dụng quyền tác giả hoặc văn bản xác nhận quyền thừa kế, quyền kế thừa quyền tác giả.

+ Chứng cứ chứng minh hành vi xâm phạm đã xảy ra bao gồm: Bản gốc hoặc bản sao hợp pháp tài liệu mô tả vật mẫu, hiện vật có liên quan thể hiện đối tượng được bảo hộ; vật mẫu, hiện vật có liên quan ảnh chụp, bản ghi hình sản phẩm bị nghi ngờ là có vi phạm quyền tác giả; bản giải trình so sánh giữa sản phẩm bị xem xét với đối tượng được bảo hộ; biên bản, lời khai, tài liệu khác nhằm chứng minh xâm phạm. Các tài liệu này được lập thành danh mục, có chữ ký của người yêu cầu xử lý xâm phạm.

CHƯƠNG 3: THỰC TRẠNG ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VÀ KIẾN NGHỊ

3.1 THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT

Từ khi Luật SHTT ra đời (có hiệu lực từ ngày 01/07/2006) và được sửa đổi, bổ sung năm 2009 cùng các văn bản hướng dẫn thực hiện quyền sở hữu trí tuệ nói chung và quyền tác giả nói riêng, tình hình vi phạm về quyền tác giả đã có những chuyển biến tích cực. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt đạt được, việc thực thi quyền tác giả vẫn còn tồn tại nhiều bất cập.

3.1.1 Những mặt tích cực

- Các tổ chức, cá nhân đã tôn trọng pháp luật về quyền tác giả hơn dẫn đến tình trạng vi phạm bản quyền ở một số nơi, một số lĩnh vực đã giảm đáng kể so với trước đây. Điển hình là trong lĩnh vực phần mềm, bảo hộ SHTT phần mềm máy tính là một trong những lĩnh vực đầu tiên được khởi xướng từ 2004, đến nay đã có nhiều kết quả khả quan. Đặc biệt sau vụ thắng kiện vi phạm bản quyền phần mềm máy tính của Lạc Việt và Microsoft cuối năm 2013 đã đánh dấu bước tiến mới trong công cuộc bảo hộ quyền tác giả phần mềm máy tính ở Việt Nam. Ông Tarun Sawney Giám đốc phụ trách công tác chống vi phạm bản quyền khu vực Châu Á - Thái Bình Dương của Liên minh phần mềm máy tính doanh nghiệp (BSA) cho biết : *“Với tỷ lệ vi phạm bản quyền phần mềm giảm 11 điểm từ 92% năm 2004 xuống còn 81% năm 2011, Việt Nam được đánh giá là một quốc gia có những bước tiến mạnh mẽ và khả quan nhất trong cuộc chiến chống vi phạm bản quyền phần mềm. Có được những thành tựu này chính là nhờ những nỗ lực to lớn của các cơ quan chính phủ Việt Nam, các tổ chức và các doanh nghiệp mềm máy tính”*;

3.1.2 Những mặt còn tồn tại

Biện pháp chế tài chưa đủ mạnh để răn đe, giáo dục ý thức tôn trọng quyền tác giả. Vì vậy, đâu đó trong một bộ phận người dân, các chủ thể kinh doanh, các cơ quan đơn vị vẫn chưa có ý thức tôn trọng tác quyền; kết quả là luật cứ ban hành, nhiều người biết mình làm sai nhưng vẫn cứ vi phạm. Trong khi đó, tác giả, chủ sở hữu tác phẩm nhiều khi không chủ động thực hiện quyền

tự bảo vệ tác phẩm của mình mà trông chờ vào các cơ quan chức năng xử lý các trường hợp vi phạm này. Ví dụ, trong lĩnh vực văn học, nhà văn Nguyễn Ngọc Ánh cho biết: *“Thời gian của nhà văn phải để dành cho sáng tác, săn tìm ý tưởng, tài liệu. Nhà văn không thể chạy theo bản quyền những đứa con tinh thần của mình, nếu vẫn còn mong muốn sáng tác. Chuyện bản quyền đành trông chờ vào nhà xuất bản hoặc các cơ quan chức năng với pháp luật”*. Chính sự phó mặc của tác giả, chủ sở hữu tác phẩm trong một số trường hợp như trên đã làm cho tình trạng xâm phạm quyền tác giả đã nghiêm trọng lại càng có xu hướng xâm phạm nghiêm trọng hơn.

Về việc bồi thường tổn thất về tài sản và tổn thất cơ hội kinh doanh do hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ gây ra. Điều 204 Luật SHTT về quy định *“tổn thất về tài sản”* là một thiệt hại cần được bồi thường; đồng thời cũng quy định trách nhiệm bồi thường đối với những *“tổn thất về cơ hội kinh doanh”* của chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ bị vi phạm. Khái niệm *“tổn thất về tài sản”* được hiểu là *“mức độ giảm sút hoặc bị mất đối với giá trị tính được thành tiền của đối tượng quyền sở hữu trí tuệ được bảo hộ”*. Còn *“tổn thất về cơ hội kinh doanh”* theo hướng dẫn tại Điều 18 Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 được hiểu là những *“thiệt hại về giá trị tính thành tiền của khoản thu nhập đáng lẽ người bị thiệt hại có thể có được khi thực hiện việc khai thác trực tiếp hoặc gián tiếp đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ nhưng trên thực tế không có được khoản thu nhập đó do hành vi xâm phạm gây ra”*.

Về việc xác định các khoản bồi thường thiệt hại, tại khoản 3 Điều 205 Luật SHTT quy định về việc bồi thường thiệt hại bao gồm cả chi phí thuê luật sư áp dụng cho nguyên đơn là chủ thể quyền SHTT nói chung và quyền tác giả nói riêng. Vậy trong trường hợp bị đơn thắng kiện (tức là bị đơn chứng minh được mình không xâm phạm quyền tác giả) thì liệu có được hưởng quyền bồi thường đối với các thiệt hại thực tế này hay không? Về nguyên tắc, bên thắng kiện dù là nguyên đơn hay bị đơn đều có thể được xem xét để bồi thường thiệt hại do bên kia gây ra cho mình, trong đó có chi phí thuê luật sư

Trong lĩnh vực xuất bản, vấn nạn xâm phạm quyền tác giả vẫn là một vấn nạn ở nước ta. Đặc biệt trong hoạt động liên kết xuất bản, một số nhà xuất bản còn thiếu chặt chẽ, không quản lý tốt nội dung sách liên kết... dẫn đến nạn sách lậu, sách kém chất lượng bày bán trên thị trường. Ví dụ vụ việc Nhà xuất bản Kim Đồng là đơn vị nắm bản quyền xuất bản tác phẩm “Búp sen xanh”, của nhà văn Sơn Tùng, từ 2010 đến 2020. Tuy nhiên, từ 2013 tới nay, có tới ba bản cuốn sách này bị in không tác quyền, vào năm 2013, quý I năm 2014 và quý II năm 2014. Các cuốn sách làm lậu này đều ghi là sách liên kết xuất bản giữa Nhà xuất bản Thời Đại và công ty cổ phần Sách Nhân Dân ...

3.2 KIẾN NGHỊ

3.2.1 Kiến nghị hoàn thiện quy định của pháp luật

a. Việc chứng minh, xác định thiệt hại trong một số vụ án xâm phạm bản quyền quá nan giải. Do đó, cần sớm ban hành riêng một Nghị định quy định hướng dẫn thi hành về vấn đề xử lý xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ nói chung và quyền tác giả nói riêng bằng biện pháp dân sự như đã ban hành riêng một Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực SHTT;

b. Pháp luật hiện nay quy định: Trong trường hợp các bên không thỏa thuận được với nhau về mức tiền bù đắp tổn thất tinh thần thì Tòa án sẽ quyết định. Song, cho đến nay chưa có quy định hướng dẫn việc xác định mức bù đắp tổn thất tinh thần. Do đó, số tiền bù đắp tổn thất tinh thần là bao nhiêu hoàn toàn do Tòa án quyết định trong từng vụ việc cụ thể, với mức giao động từ năm triệu đến năm mươi triệu đồng. Vì vậy, pháp luật cần có những quy định cụ thể, rõ ràng hơn để đảm bảo tính khách quan trong xét xử;

c. Hiện nay pháp luật quy định: “Sao chép tác phẩm để lưu trữ trong thư viện với mục đích nghiên cứu quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 25 Luật SHTT là việc sao chép không quá một bản; thư viện không được sao chép và phân phối tác phẩm tới công chúng, kể cả bản sao kỹ thuật số”. Đây là vấn đề bất cập của Luật SHTT hiện nay, vì thư viện là nơi học tập, nghiên cứu của tập thể đông người, số lượng một bản là quá ít. Vì vậy, pháp luật quy định số lượng tác phẩm Thư viện được phép sao chép cần một con số lớn hơn một bản.

d. Hiện nay, chương trình máy tính là một trong những lĩnh vực đang phát triển mạnh mẽ trong thời kỳ thông tin số. Do đó, không thể tránh khỏi nhiều trường hợp xâm phạm quyền tác giả trong lĩnh vực này như vụ việc Công ty TNHH quốc tế Gold Long John Đồng Nai Việt Nam (Long John Dong Nai), một doanh nghiệp Đài Loan chuyên sản xuất vải dùng làm giày dép cho các thương hiệu lớn, bị Công ty Lạc Việt và Microsoft Việt Nam kiện vi phạm bản quyền phần mềm đã thắng kiện gây tiếng vang lớn cuối năm 2013 đầu 2014...

e. Xét về phương diện lý luận, việc quy định hành vi xâm phạm quyền tác giả phải dựa trên cơ sở quyền nhân thân và quyền tài sản. Một hành vi xâm phạm quyền tác giả hoặc là hành vi xâm phạm quyền nhân thân, hoặc là hành vi xâm phạm quyền tài sản. Tuy vậy, tại khoản 10 Điều 28 Luật SHTT quy định hành vi “*nhân bản, sản xuất bản sao*” tác phẩm khi chiếu sang các quyền nhân thân và quyền tài sản của tác giả tại Điều 19 và 20 của luật này thì không thấy mục nào quy định tác giả có quyền “*nhân bản*” tác phẩm. Do đó, khoản 1 Điều 20 nên quy định thêm điểm e về “*quyền nhân bản sản xuất bản sao của tác giả, chủ sở hữu tác phẩm*”

3.2.2 Kiến nghị khác

a. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục và phát huy sức mạnh toàn dân tích cực tham gia phòng ngừa và đấu tranh chống sản xuất, hàng hóa (băng đĩa, sách báo), xâm phạm quyền tác giả; tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật về SHTT nói chung và quyền tác giả nói riêng trong các doanh nghiệp, cơ quan, đoàn thể, đồng thời kết hợp với các phương tiện thông tin đại chúng để tuyên truyền. Từ đó, xây dựng ý thức, trách nhiệm của người dân trong việc đấu tranh phòng chống các hành vi xâm phạm quyền tác giả.

b. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra; phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chức năng và chủ thể quyền, thông qua các biện pháp nghiệp vụ để phát hiện các hành vi xâm phạm quyền tác giả; kiên quyết xử lý đúng pháp luật, công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng để toàn dân được biết.

c. Nâng cao hơn nữa vai trò của Tòa án trong việc xét xử nghiêm minh các hành vi xâm phạm nghiêm trọng quyền SHTT.

Hiện nay, chưa có một Tòa án nào chuyên biệt để xét xử các vụ án về SHTT nói chung và quyền tác giả nói riêng. Vì vậy, chúng ta cần sớm nghiên cứu việc thành lập Tòa chuyên trách về SHTT để bảo vệ quyền tác giả bằng biện pháp dân sự được thực hiện tốt nhất.

d. Tổ chức xây dựng lực lượng chuyên trách về sở hữu trí tuệ, lập kế hoạch rà soát và nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, thẩm phán chuyên sâu về SHTT để đáp ứng nhu cầu xét xử các vụ án liên quan tới SHTT nói chung và quyền tác giả nói riêng.

e. Các cá nhân, tổ chức là tác giả, chủ sở hữu tác phẩm, bên cạnh việc đăng ký bảo hộ và trông chờ sự bảo hộ của luật pháp, thì hơn ai hết, bản thân chủ thể quyền phải chủ động bảo vệ tác phẩm của mình. Vì vậy, để hạn chế ở mức thấp nhất tài sản trí tuệ bị xâm phạm, chủ thể quyền phải thực hiện các biện pháp kỹ thuật số như bảo mật dữ liệu

f. Theo báo cáo của Cục Sở hữu trí tuệ thì hiện nay mới chỉ có Viện Khoa học sở hữu trí tuệ là tổ chức được cấp phép đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp và một số cá nhân được cấp Thẻ giám định viên về sở hữu công nghiệp

g. Phối hợp với các tổ chức quốc tế như Tổ chức SHTT thế giới (WIPO), tham gia xây dựng lực lượng cảnh sát chuyên trách về SHTT đặt trụ sở tại một số quốc gia trong khu vực nhằm phát hiện kịp thời những hành vi vi phạm, nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng chống tội phạm về xâm phạm SHTT nói chung và quyền tác giả nói riêng.

KẾT LUẬN

Ngày nay, với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ, tình trạng xâm phạm quyền SHTT nói chung và quyền tác giả nói riêng vẫn diễn ra ngày càng phổ biến và có tính chất ngày càng tinh vi. Thực trạng này không chỉ diễn ra tại Việt Nam mà nó đã trở thành vấn nạn của cả thế giới. Ở Việt Nam, chúng ta đã có nhiều nỗ lực trong việc giải quyết thực trạng này. Tuy nhiên, hiện nay Việt Nam vẫn bị coi là quốc gia có hệ thống bảo vệ quyền SHTT chưa tốt, hoạt động thực thi quyền tác giả còn nhiều bất cập, chưa có hiệu quả.

Vì vậy, việc nghiên cứu thực trạng quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về TNDS do xâm phạm quyền tác giả có ý nghĩa quan trọng trong việc xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật, nâng cao hoạt động thực thi quyền tác giả, đặc biệt là thực thi thông qua việc áp dụng biện pháp dân sự - một biện pháp có tính ưu việt cao.

Tác giả hy vọng Luận văn này là một tài liệu tham khảo hữu ích không chỉ với tác giả, chủ sở hữu tác phẩm, mà còn hữu ích với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc hoàn thiện và thực thi quyền tác giả.